



Khoa kinh tế học
ĐH Kinh tế quốc dân
GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ HỌC VI MÔ
Chương 4: Lý thuyết hành vi doanh nghiệp
Thạc sĩ: Nguyễn Thị Thu



LÝ THUYẾT HÀNH VI DOANH NGHIỆP

$$TR = P \cdot Q$$

$$TC = AC \cdot Q$$

$$\Pi = TR - TC \Rightarrow \max$$



CS\$

NỘI DUNG

I. Lý thuyết sản xuất

II. Lý thuyết chi phí

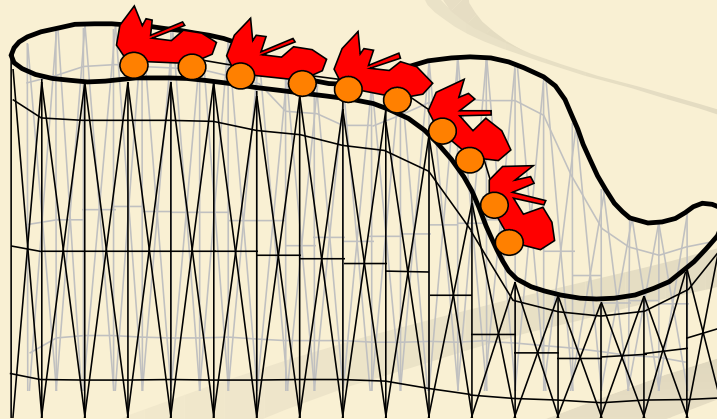
III. Lý thuyết lợi nhuận

DOANH NGHIỆP hay HÃNG

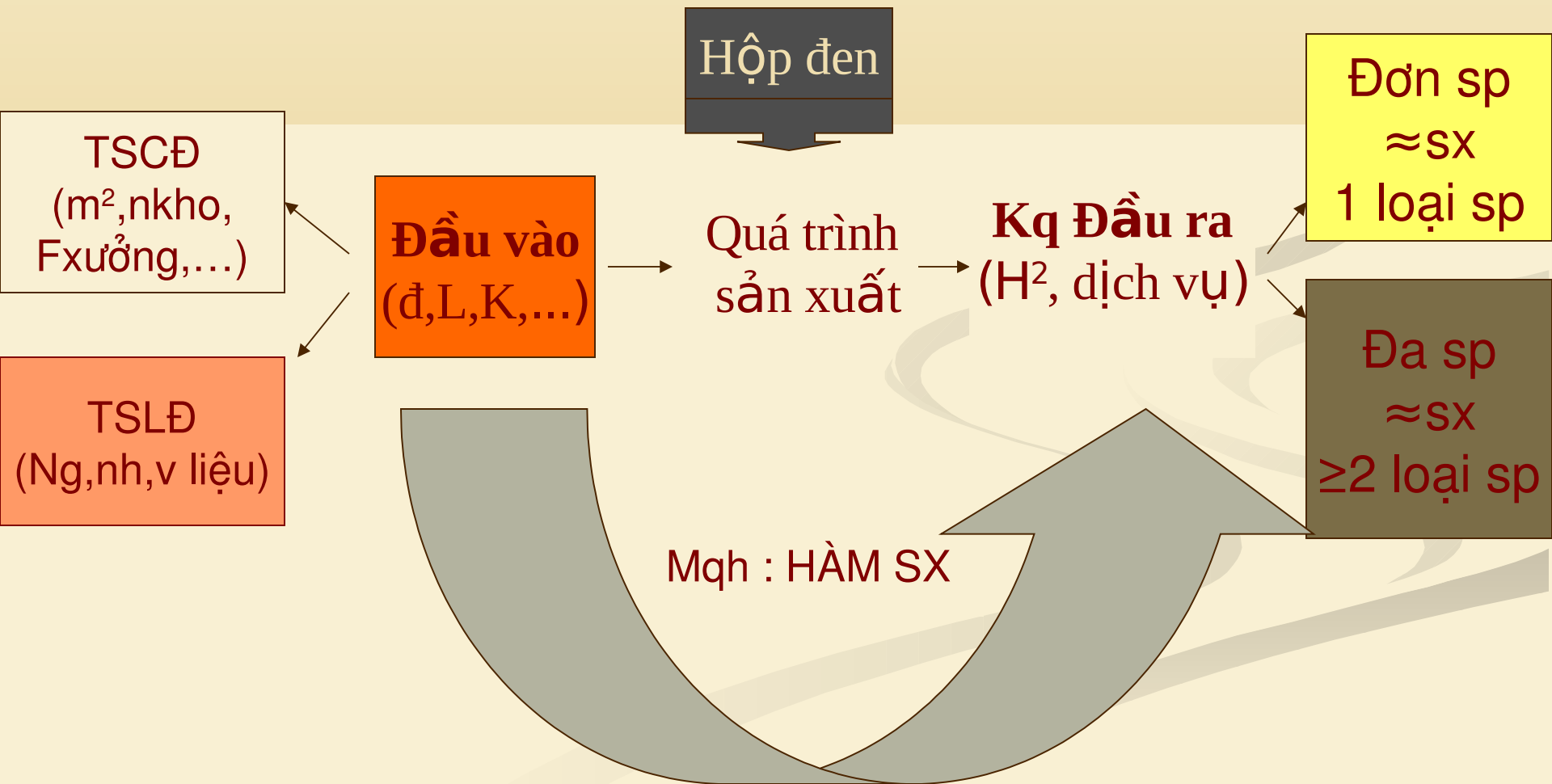
- ***kn: là tổ chức KT (thuê) mua các y tố sx (y tố đầu vào) để tham gia vào q trình sx tạo ra các hàng hóa và dịch vụ(kết quả đầu ra) đem bán và sinh lời***
- ***Thể hiện***
 - + ***1 người***
 - + ***1 gia đình***
 - + ***1 nông trại***
 - + ***1 cửa hàng nhỏ***
 - + ***1 cty đa quốc gia sx 1 loạt những sp trung gian***

LÝ THUYẾT SẢN XUẤT

- Một số vấn đề
- Công nghệ sản xuất và hàm sản xuất
- Sản xuất với một đầu vào biến đổi
- Sản xuất với hai đầu vào biến đổi



Sơ đồ quá trình sản xuất của DN



CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

■ Kn

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT là cách thức sx sp do con người sáng tạo ra được áp dụng vào quá trình sx

Hàm sản xuất

- Khái niệm: Hàm sx là một hàm mô tả mối quan hệ về mặt kỹ thuật giữa n đầu ra và m đầu vào. Có thể đạt được một tập hợp các yếu tố đầu vào khác nhau tương ứng với một trình độ kỹ thuật công nghệ nhất định nào đó.
- *Định nghĩa chung của hàm sản xuất*
 $Q = A f(X_1, X_2, \dots, X_n); Q = Af(L, K)$

MỘT SỐ DẠNG HÀM SX

1. Hàm sản xuất Cobb-Douglas

$$Q = A \cdot K^\alpha \cdot L^\beta, \quad (0 < \alpha, \beta < 1)$$

1. Hàm sản xuất của nước Mỹ (1889-1912)

$$Q = K^{0,75} \cdot L^{0,25}$$

3. Hàm sx tuyến tính: $Q^{SX} = \sum a_i X_i$

$$Q^{SX} = aK + bL;$$

(K, L: thay thế hoàn hảo)

SẢN XUẤT NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

- *Ngắn hạn (SR)*: là khoảng thời gian trong đó có ít nhất một đầu vào cố định
- *Dài hạn (LR)*: là khoảng thời gian trong đó tất cả các đầu vào đều biến đổi



SẢN XUẤT VỚI 1 ĐẦU VÀO CỐ ĐỊNH (sx ngắn hạn)

■ Năng suất bình quân (AP)

Năng suất bình quân (sp bình quân) của một đầu vào biến đổi là lượng đầu ra tính bình quân trên một đơn vị đầu vào biến đổi đó

(yếu tố khác không đổi)

■ Công thức

$$AP_{X_i} = Q/X_i = f(X_i)/X_i$$

$$\text{khi } k = \text{const} \Rightarrow AP_L = Q/L = f(\underline{K}, L)/L$$

$$\text{khi } L = \text{const} \Rightarrow AP_K = Q/K = f(L, \underline{K})/K$$

Năng suất cận biên (MP)

- Khái niệm

Năng suất cận biên(sp cận biên) của một đầu vào biến đổi là lượng đầu ra tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị đầu vào biến đổi đó(yếu tố khác không đổi)

- Công thức

$$MP_{X_i} = \Delta Q / \Delta X_i$$

Khi $K = \text{const} \Rightarrow MP_L = \Delta Q / \Delta L = \Delta f(K, L) / \Delta L$

Khi $L = \text{const} \Rightarrow MP_K = \Delta Q / \Delta K = \Delta f(L, K) / \Delta K$

Ý NGHĨA HÀM SX NGẮN HẠN

■ $Q = aK + bL$

⇒ chỉ cần sd 1(trong 2) y/tố đầu vào

$$Q/L = aK/L + b, \quad K/L: \text{trạng bị tư bản/1LĐ}$$

$$Q/L = AP_L \Rightarrow AP_L \text{ phụ thuộc vào } K/L$$

đây là y/tố QĐ năng suất lđ

⇒ Mỗi đơn vị LĐ bình quân tạo ra bao nhiêu Q
(sức ảnh hưởng của mỗi ytố đvào trong việc tạo ra Q)

⇒ Mỗi đv yếu tố đầu vào tăng thêm thì đóng góp thêm được bao nhiêu vào Q

QUY LUẬT NĂNG SUẤT CẬN BIÊN GIẢM DẦN

Nội dung

Năng suất cận biên của bất kỳ một yếu tố đầu vào biến đổi nào cũng sẽ bắt đầu giảm và giảm dần tại một thời điểm nào đó khi ta tiếp tục bổ thêm từng đơn vị của yếu tố đó vào quá trình sản xuất (yếu tố đầu vào kia cố định).



Ví dụ

L	K	Q	AP_L	MP_L
0	10	0	-	-
1	10	10	10	10
2	10	30	15	20
3	10	60	20	30
4	10	80	20	20
5	10	95	19	15
6	10	108	18	13
7	10	112	16	4
8	10	112	14	0
9	10	108	12	-4
10	10	100	10	-8

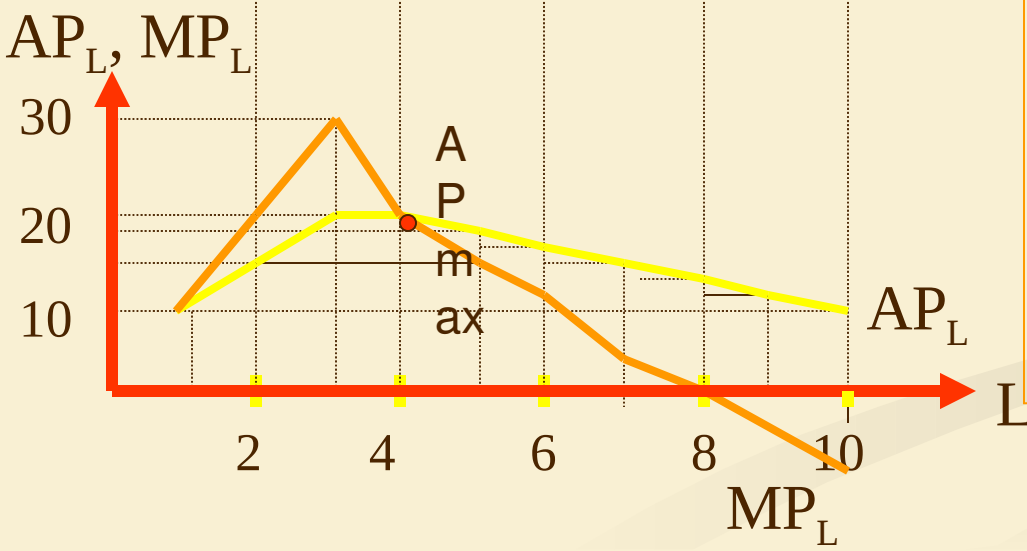
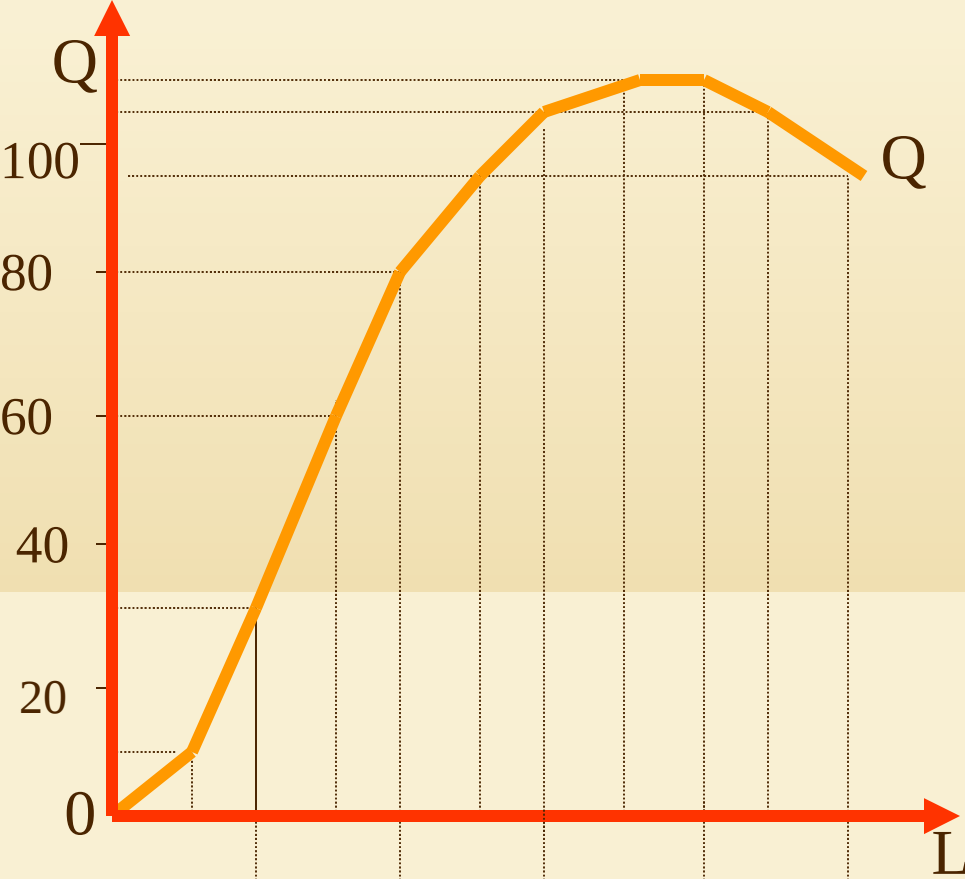
Khi MP_L tăng, Q tăng với tốc độ nhanh dần

Khi MP_L giảm, Q tăng với tốc độ chậm dần

$MP_L = 0$, Q đạt giá trị cực đại

Khi $MP_L < 0$ thì Q giảm

ĐỒ THỊ



- $MP_L > 0$, Q tăng
 $MP_L = 0$, Q max
 $MP_L < 0$, Q giảm
- $MP_L > AP_L \Rightarrow AP_L \uparrow$
 $MP_L = AP_L \Rightarrow AP_L \text{ max}$
 $MP_L < AP_L \Rightarrow AP_L \downarrow$
- MP_L luôn đi qua điểm cực đại của AP_L

Ý NGHĨA CỦA QUY LUẬT MP ↓

- Ý nghĩa: + Cho biết mối quan hệ giữa MP và AP
 - $MP > AP (MP/AP = \Delta Q / \Delta X_i \cdot X_i / Q = E > 1) \Rightarrow AP \uparrow$
 - $MP = AP (E = 1) \Rightarrow AP_{MAX}$
 - $MP < AP (E < 1) \Rightarrow AP \downarrow$
- + Cho phép chọn được 1 cơ cấu đvào 1 cách t.Ưu hơn
- + Cho biết mối quan hệ giữa MP và MC

$$MC = \Delta VC / \Delta Q = P_{xi} \cdot \Delta X_i / \Delta Q = P_{xi} / MP$$

- $MP \uparrow \Rightarrow MC \downarrow$
- $MP_{MAX} \Rightarrow MC_{MIN}$
- $MP \downarrow \Rightarrow MC \uparrow$

CHỨNG MINH QUY LUẬT MP ↓

- Sử dụng hàm sx Cobb – Douglas để CM

$$Q = A \cdot K^\alpha \cdot L^\beta, \quad (0 < \alpha, \beta < 1)$$

- Khi $L = \text{const} \Rightarrow MP_K = Q'_K = \alpha A \cdot K^{\alpha-1} \cdot L^\beta$

$$(MP_K)' = (\alpha A \cdot K^{\alpha-1} \cdot L^\beta)' = \alpha(\alpha-1) A \cdot K^{\alpha-2} \cdot L^\beta$$

$$\alpha < 1 \Rightarrow (\alpha-1) < 0$$

$$\Rightarrow (MP_K)' < 0 \Rightarrow MP \downarrow$$

- Khi $K = \text{const} \Rightarrow MP \downarrow$

LÝ THUYẾT VỀ CHI PHÍ

- Một số khái niệm về chi phí
- Chi phí ngắn hạn
- Chi phí ngắn hạn bq
- Hiệu suất của quy mô

Một số khái niệm về chi phí

- Chi phí tài nguyên và chi phí bằng tiền
- Chi phí kế toán và chi phí kinh tế
 - Chi phí kế toán (chi phí hiện) là giá trị của tất cả các đầu vào tham gia vào qtrình sx H^2 , dịch vụ, được ghi lại trên hóa đơn, sổ sách kế toán
 - Chi phí kinh tế là giá trị của toàn bộ nguồn tài nguyên sử dụng cho quá trình sản xuất, bao gồm cả chi phí kế toán và chi phí cơ hội
- Chi phí chìm và chi phí tiềm ẩn
- Chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn

Chi phí ngắn hạn

- Tổng chi phí (TC)
- Chi phí cố định (FC)
- Chi phí biến đổi (VC)

Chi phí cố định (FC)

■ Kn

+ Là những chi phí không thay đổi theo sản lượng đầu ra

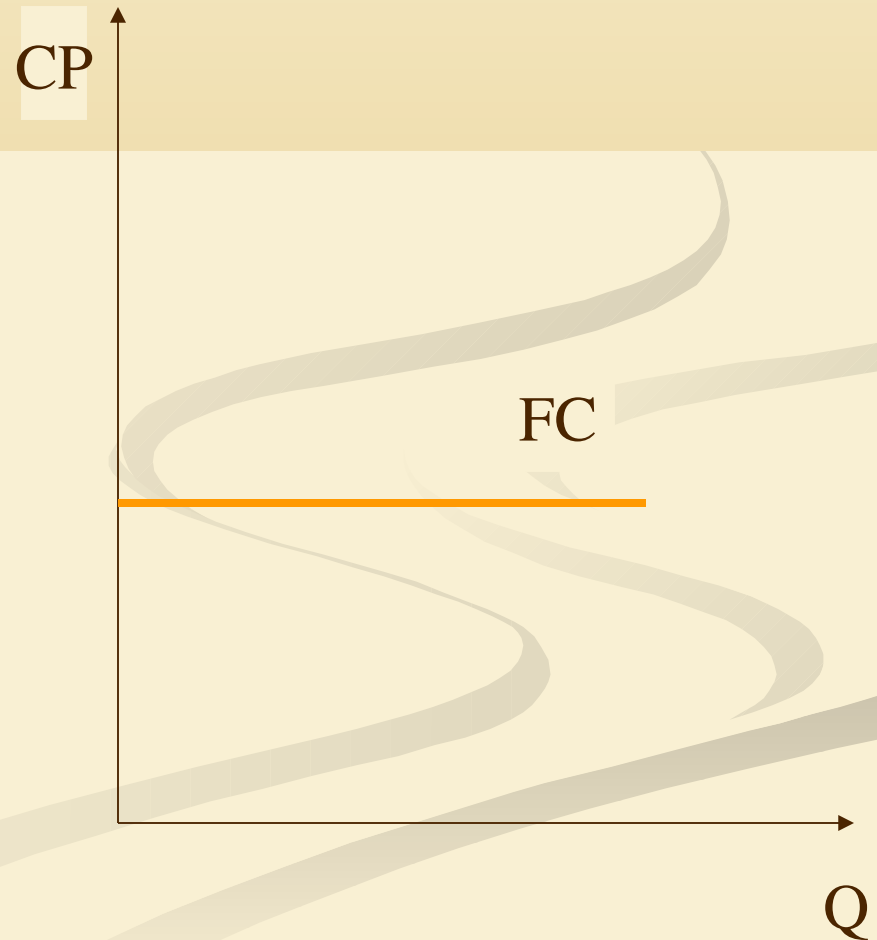
+ không sx vẫn phát sinh

$$Q \uparrow, \downarrow, = 0$$

$$\Rightarrow FC = \text{const}$$

■ Ct

$$FC = TC - VC$$





Chi phí biến đổi (VC)

- Chi phí biến đổi là những CP thay đổi cùng với sự thay đổi của Q đầu ra

- không sx không phát sinh

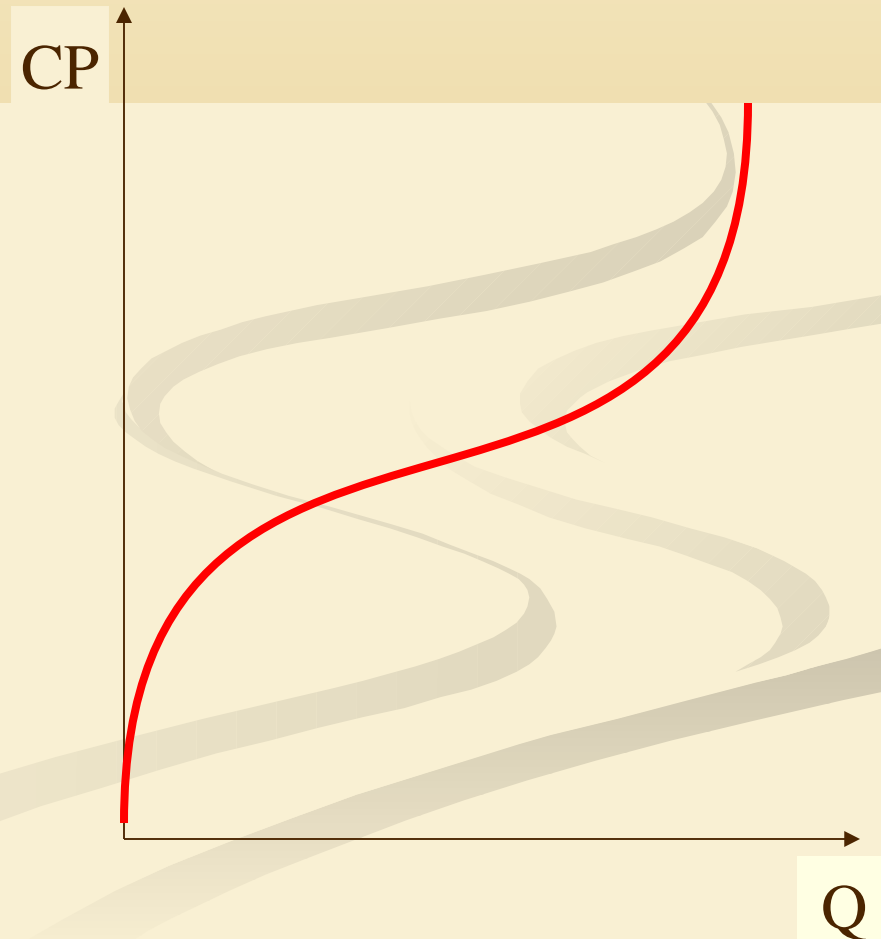
$$Q = 0 \Rightarrow VC = 0$$

$$Q \uparrow, \downarrow \Rightarrow VC \uparrow, \downarrow$$

- Ct: $VC = TC - FC$

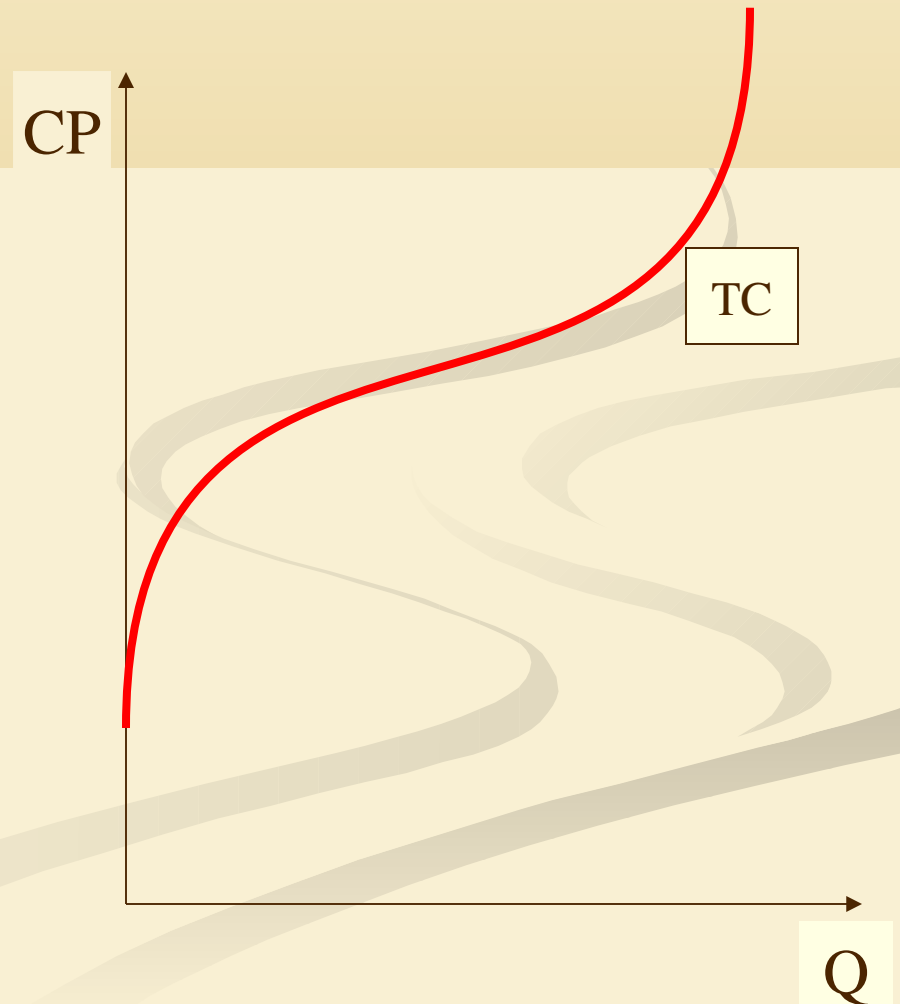
$\Rightarrow VC$ luôn cách đều TC

1 khoản FC



Tổng chi phí (TC)

- Tổng chi phí là toàn bộ CP phải bỏ ra để tiến hành SX KD.
- Bao gồm CP biến đổi và CP cố định
- Ct: $TC = VC + FC$
 $TC_{q=0} = FC$



CÁC CHI PHÍ NGẮN HẠN BQ

- Chi phí cố định bq

$$AFC = FC / Q \Rightarrow FC = AFC \cdot Q$$

$$AFC = ATC - AVC$$

- Chi phí biến đổi bq

$$AVC = VC / Q \Rightarrow VC = AVC \cdot Q$$

$$AVC = ATC - AFC$$

- Tổng chi phí bq

$$ATC = TC / Q \Rightarrow TC = AC \cdot Q$$

$$ATC = AVC + AFC$$

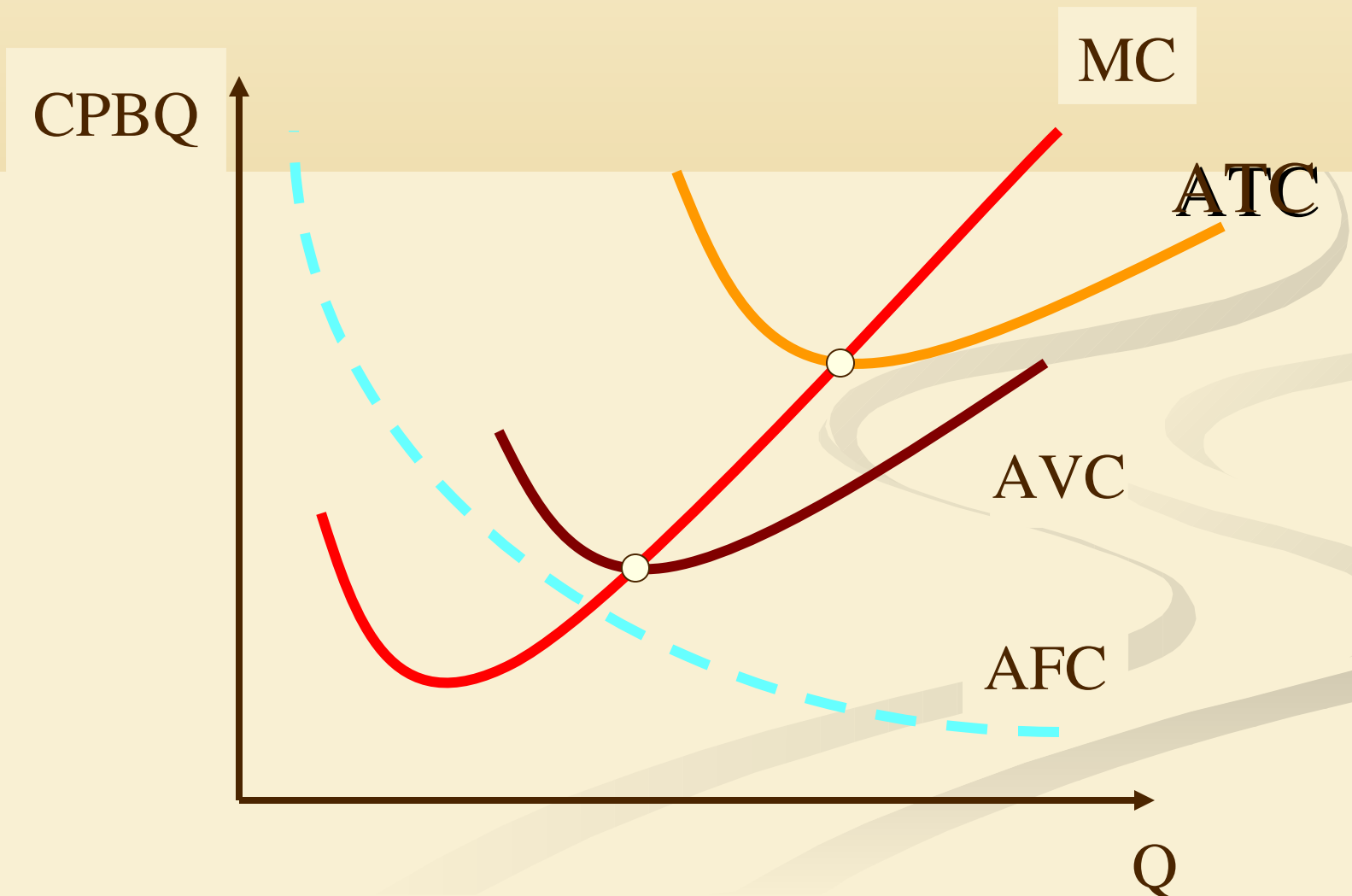
Chi phí cận biên (MC)

- **Kn:** Là chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sp
- **Lưu ý:** - MC có dạng U và luôn đi qua các điểm cực tiểu của ATC và AVC
- MC dốc lên do quy luật năng suất cận

biên giảm dần

$$\text{Ct: } MC = \Delta TC / \Delta Q = \Delta VC / \Delta Q$$
$$MC = TC', \quad MC = VC'$$

ĐỒ THỊ



$$Q_{ACmin} > Q_{AVCmin}$$

$$ACmin \Leftrightarrow AC' = 0$$

$$AC' = (AVC + AFC)' = AVC' + AFC'$$

- $AFC' = (FC/Q)' = -FC/Q^2 < 0 \Rightarrow$

- $AVC' > 0 \Leftrightarrow AVC \text{ đang } \uparrow$

$$AVC < ATC$$

$$\Rightarrow Q_{AVCmin} < Q_{ACmin}$$

ATC CÓ HÌNH CHỮ U và cắt MC tại ATC_{MIN}

■ MC đi qua $ATC_{min} \Leftrightarrow (ATC)' = 0$

$$ATC = TC/Q, \Rightarrow (ATC)' = (TC/Q)'$$

$$\Rightarrow (TC/Q)' = (TC'.Q - TC.Q')/Q^2 = (MC - ATC)/Q = 0$$

$$+ 1/Q > 0$$

* $MC = ATC \Leftrightarrow (ATC)' = 0$, ATC min. V×thổ MC
c³/4t

ATC thì Ồm thì thi Ồu.

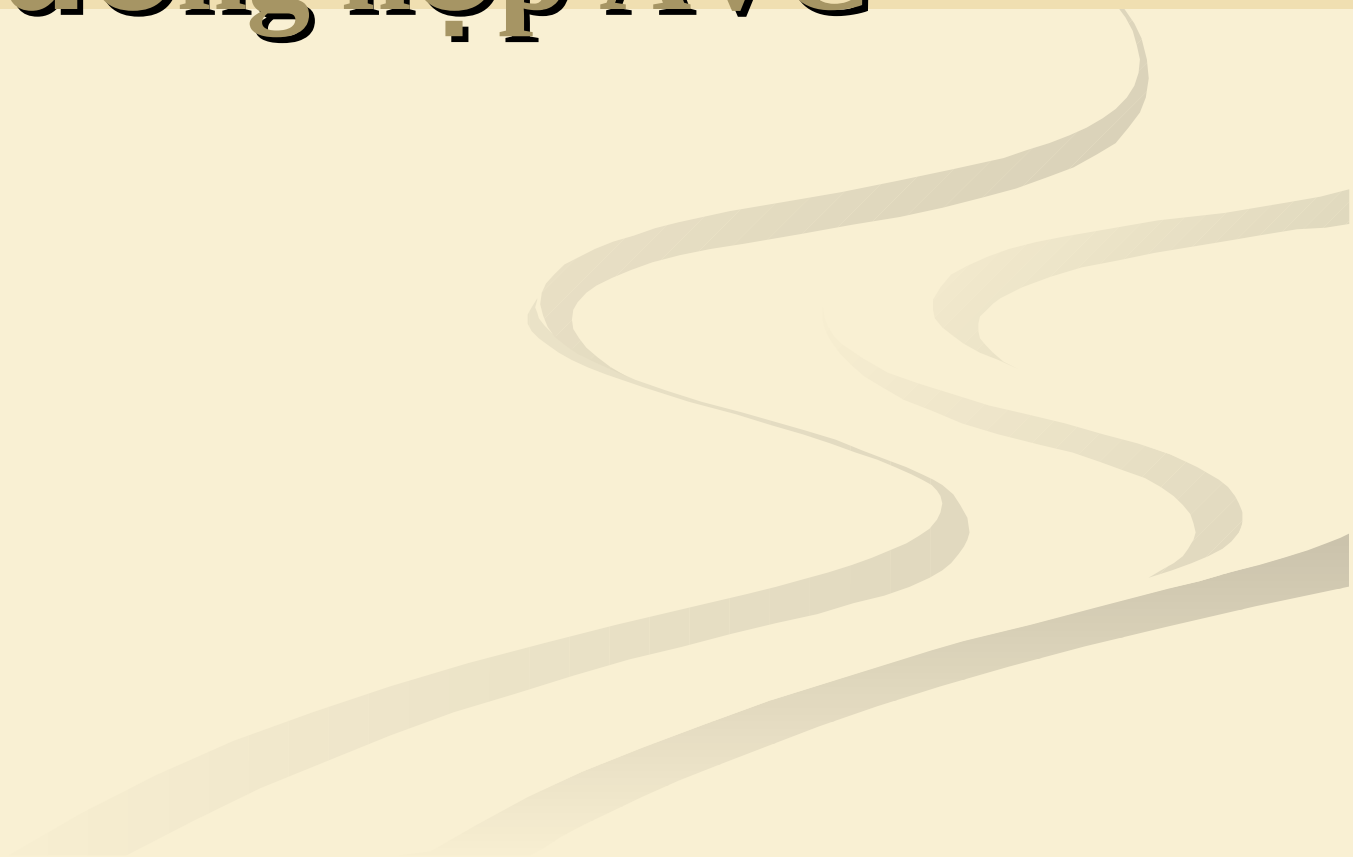
* $MC > ATC$, $(ATC)' > 0$, Q tăng, ATC tăng. Nh- về y
khi $MC > ATC$ th×ATC tăng dçn. (MC kĐo ATC
l²n)

* $MC < ATC$, $(ATC)' < 0$, Q tăng, ATC giảm. Nh- về y

Mối quan hệ giữa các đường chi phí

- FC là đường nằm ngang
- VC và TC dốc lên và cách đều với nhau 1 khoản FC
- AFC luôn dốc xuống về phía phải
- AVC, ATC có dạng hình chữ U
- MC có dạng hình chữ U và đi qua 2 điểm cực tiểu của AVC và ATC.

Chứng minh tương tự cho trường hợp AVC



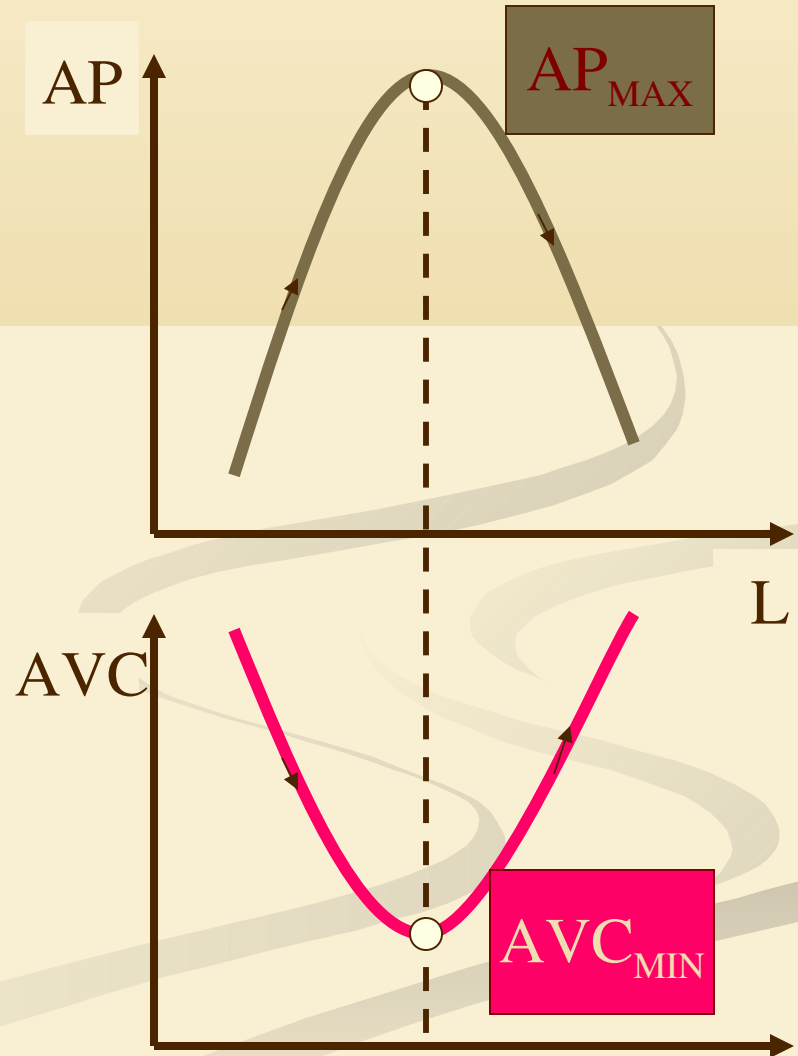
AVC CÓ HÌNH CHỮ U và mqh AP

$$AVC = VC/Q$$

$$VC = W \cdot L$$

$$AVC = W/(Q/L) \\ = W/AP$$

- $AP \uparrow \Rightarrow AVC \downarrow$
 - $AP_{MAX} \Rightarrow AVC_{MIN}$
 - $AP \downarrow \Rightarrow AVC \uparrow$
- \Rightarrow AVC có hình chữ U



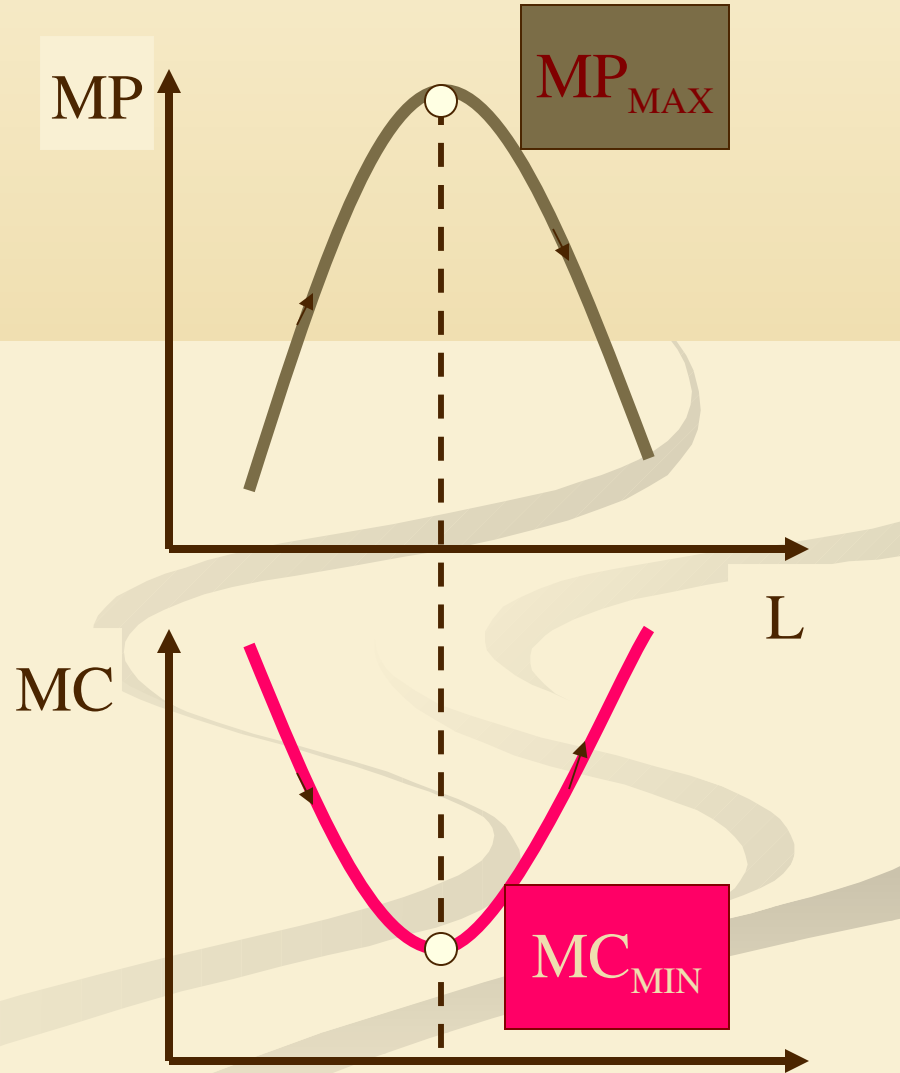
MC CÓ HÌNH CHỮ U và mqh MP

$$MC = \Delta VC / \Delta Q$$

$$\Delta VC = W \cdot \Delta L$$

$$MC = W / (\Delta Q / \Delta L) \\ = W / MP$$

- $MP \uparrow \Rightarrow MC \downarrow$
 - $MP_{MAX} \Rightarrow MC_{MIN}$
 - $MP \downarrow \Rightarrow MC \uparrow$
- $\Rightarrow MC$ có hình chữ U



Hiểu suýt KT

K,L thay ®æi cũng tù lờ

**đ/n: HsKT theo qmô pánh
trđộ tận dụng qmô theo
thiết kế**

HIỆU SUẤT CỦA QUY MÔ

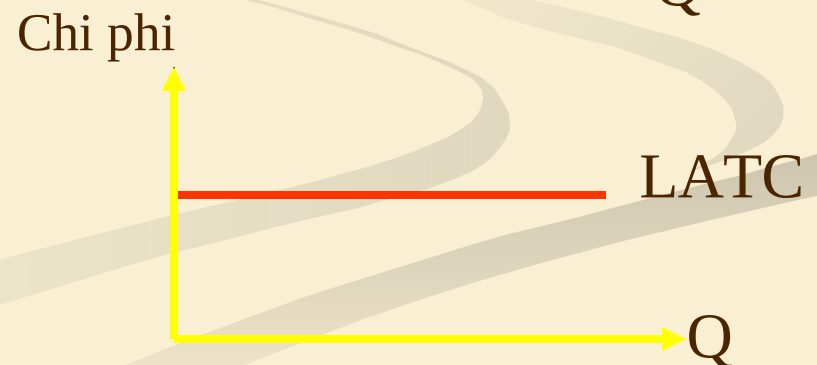
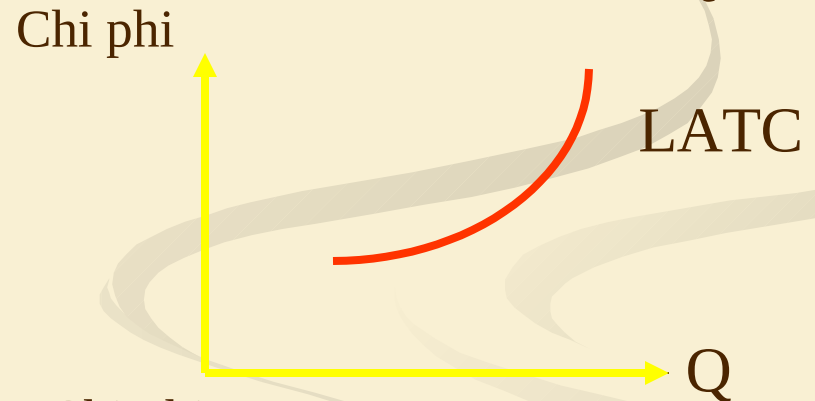
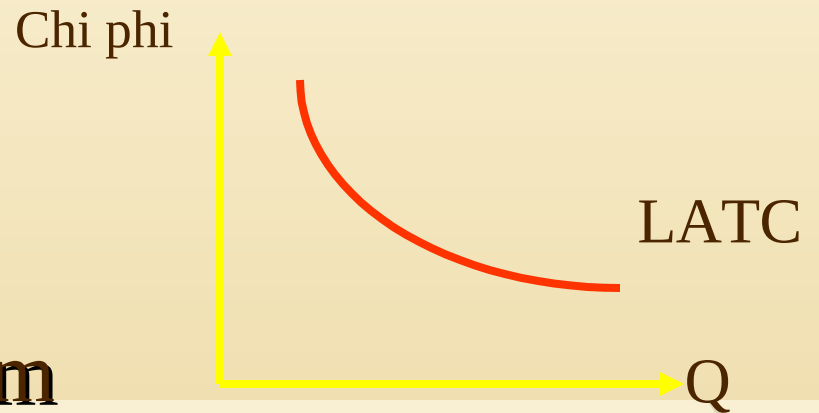
- **Hiệu suất tăng theo quy mô**

tăng các đầu vào lên 1% làm đầu ra tăng nhiều hơn 1%

- **Hiệu suất giảm theo quy mô**

tăng các đầu vào lên 1% làm đầu ra tăng ít hơn 1%

- **Hiệu suất không đổi theo quy mô: tăng các đầu vào**



DẠNG TỔNG QUÁT HsKT

$$Q = f(K, L) \Rightarrow h Q = f(tK, tL)$$

$$+ h > t \Leftrightarrow h/t > 1$$

$\Rightarrow HsKT \uparrow$ theo qmô (đạt tính KT)

việc mở rộng qmô đạt Hq

$$+ h = t \Leftrightarrow h/t = 1$$

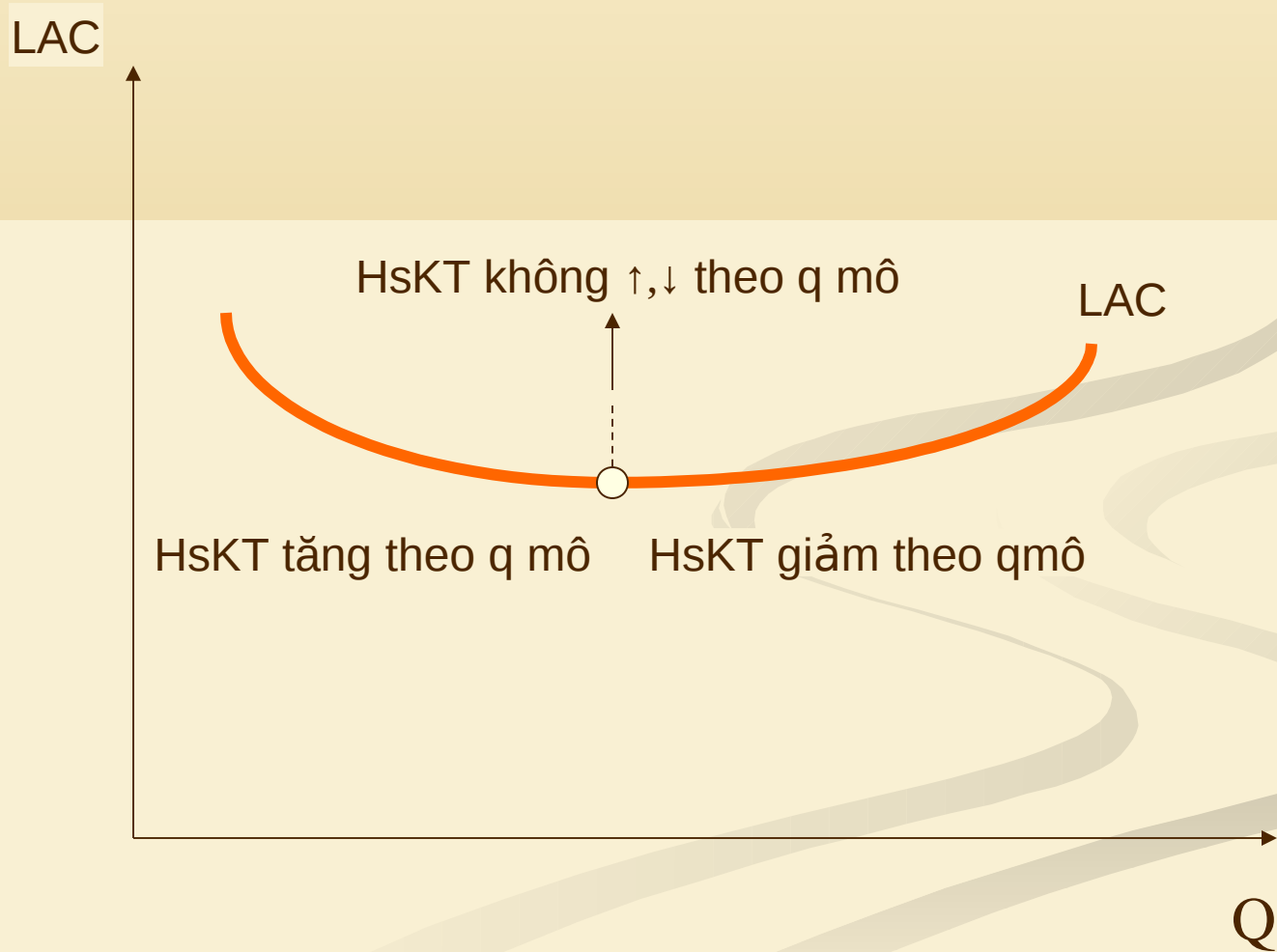
$\Rightarrow HsKT$ không đổi theo qmô

$$+ h < t \Leftrightarrow h/t < 1$$

$\Rightarrow HsKT \downarrow$ theo qmô (phi KT)

việc mở rộng qmô không đạt Hq

ĐỒ THỊ HIỆU SUẤT KT



VD hàm sx Cobb – Douglas

$$Q = A.K^\alpha.L^\beta \quad , \quad (0 < \alpha , \beta < 1)$$

$$Q_0 = A.K^\alpha.L^\beta \Rightarrow 2Q_0 = 2A.K^\alpha.L^\beta$$

$$\begin{aligned} Q_1 &= A.(2K)^\alpha.(2L)^\beta = 2^{(\alpha+\beta)} A.K^\alpha.L^\beta \\ &= 2^{(\alpha+\beta)} . Q_0 \end{aligned}$$

so sánh Q_1 với $2Q_0$

$$\Rightarrow (\alpha + \beta) > 1 \Rightarrow Q_1 > 2Q_0 \Rightarrow \text{HsKT} \uparrow$$

$$(\alpha + \beta) = 1 \Rightarrow Q_1 = 2Q_0 \Rightarrow \text{HsKT không đổi}$$

VD

- 1 số hàm sx sau biểu thị \uparrow, \downarrow , hay không đổi theo $qmô$

$$1, \quad Q = L/2 + \sqrt{K}$$

$$2, \quad Q = \sqrt{K \cdot L/2}$$

$$3, \quad Q = 1/2 \cdot \sqrt{KL}$$

$$4, \quad Q = L/2 + K$$

III. LÝ THUYẾT VỀ LỢI NHUẬN

$$TR = P \cdot Q$$

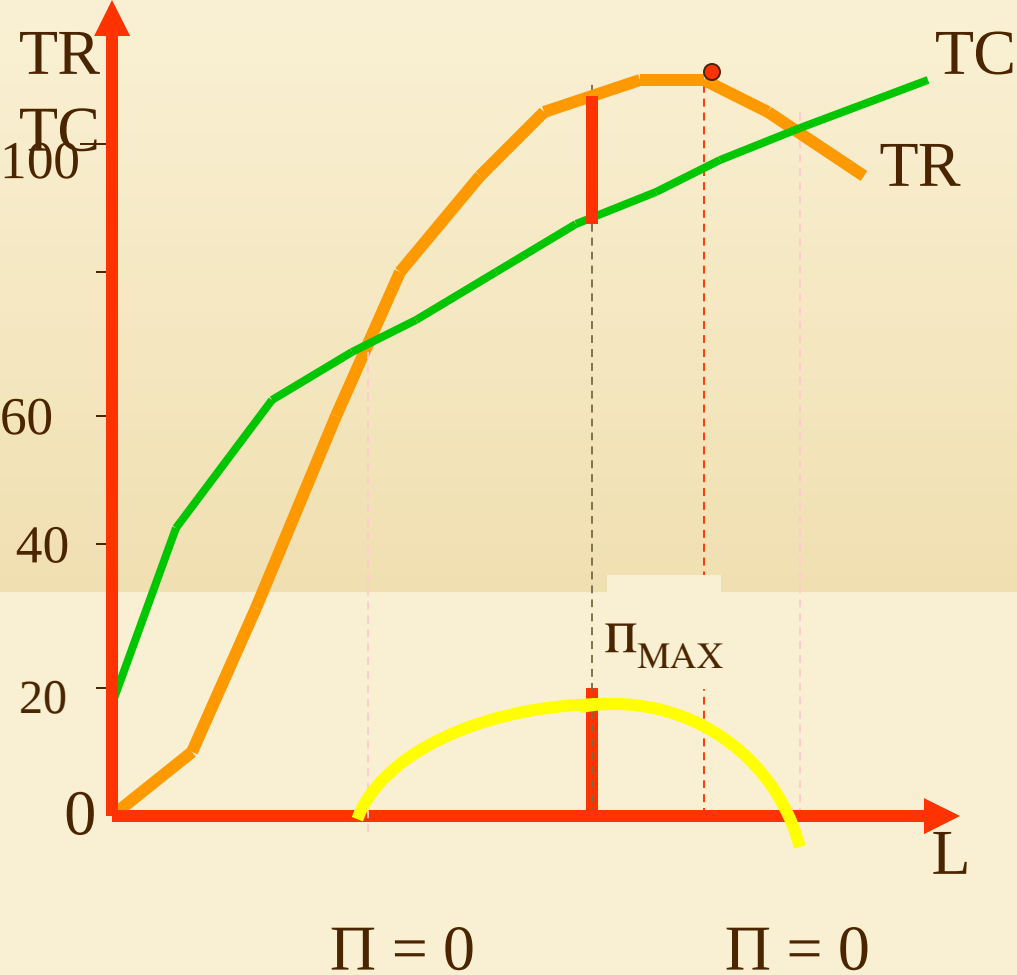
$$TC = AC \cdot Q$$

$$\Pi = TR - TC \Rightarrow \max$$



CS\$





- Nguồn gốc
- K_n : lợi nhuận là đại lượng phản ánh sự chênh lệch giữa doanh thu thu được với chi phí phải bỏ ra để đạt được doanh thu đó
- Ct: $\Pi = TR - TC$
 $= Q (P - ATC)$

Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận

$$\Pi = TR - TC \Rightarrow \max$$

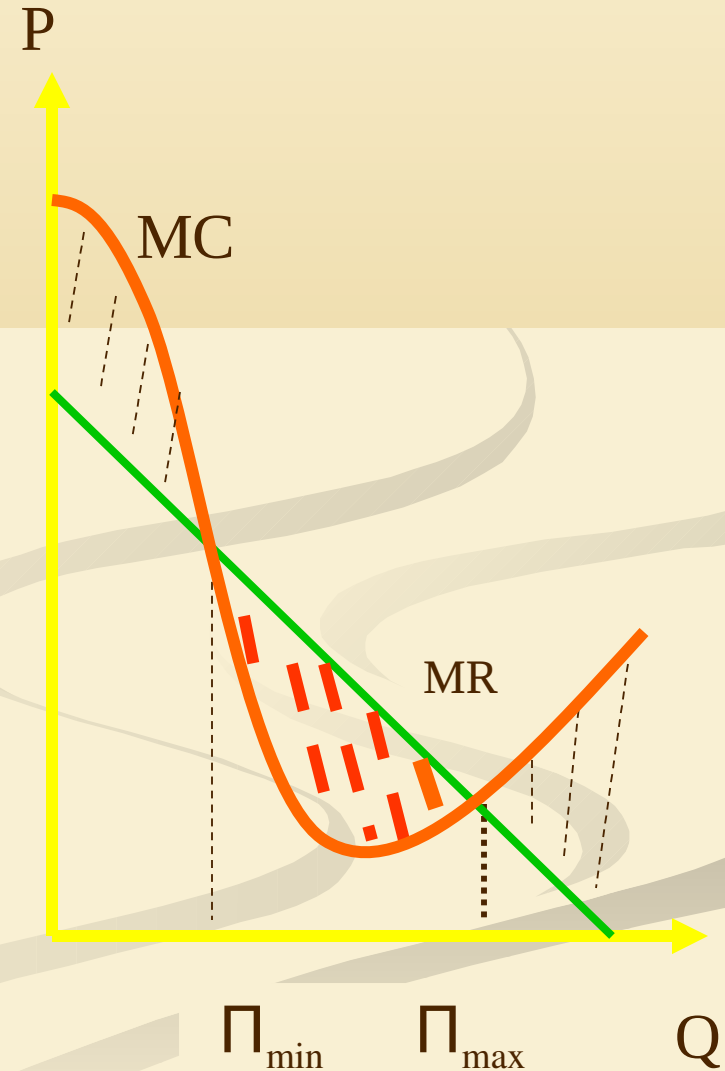
■ ĐK cần

$$d\Pi/dQ = 0 \Rightarrow MR = MC$$

■ Đk đủ

$$d^2\Pi/dQ^2 < 0$$

- Nếu $MR > MC$
thì tăng Q sẽ tăng Π
- Nếu $MR < MC$
thì giảm Q sẽ tăng Π
- Nếu $MR = MC$
thì Q là tối ưu
 Q^*, Π_{\max}



NGUYÊN TẮC TỐI ĐA HÓA LỢI NHUẬN

Quy tắc chung

- Mọi doanh nghiệp sẽ gia tăng sản lượng đầu ra chừng nào doanh thu cận biên còn lớn hơn chi phí cận biên ($MR > MC$) cho tới khi có $MR = MC$ thì dừng lại. Tại đây doanh nghiệp lựa chọn được mức sản lượng tối ưu Q^* để tối đa

hóa lợi nhuận (Π Max).

- Nếu $MR > MC$ thì tăng Q sẽ tăng Π
- Nếu $MR < MC$ thì giảm Q sẽ tăng Π
- Nếu $MR = MC$ thì Q là tối ưu Q^* Π_{max}

PHÂN BIỆT 1 SỐ LOẠI LỢI NHUẬN

- lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận tính toán:
 - Π kế toán = TR-TC kế toán
 - Π kinh tế = TR- TC_{ktế} = TR – TC_{ktoán} – O.C

$$\Pi \text{ Kế toán} - \Pi \text{ ktế} = \text{O.C}$$

Vì TC_{ktế} > TC_{kế toán} 1 khoản O.C

Vậy Π ktế < Π kế toán đúng bằng 1 khoản O.C

- Lợi nhuận bình quân và lợi nhuận siêu ngạch

$$\Pi_{\text{BQ}} = \Pi/Q = (P - ATC) \text{ vì } \Pi = \text{TR} - \text{TC} = Q(P - ATC)$$

$$\Pi_{\text{siêu ngạch}} = \Pi \text{ dôi ra ngoài } \Pi_{\text{BQ}}$$

Các nhân tố ảnh hưởng tới lợi nhuận

- Quy mô SX
- Tiêu thụ SP
- Giá cả của các yếu tố đầu vào
- Hình thức tổ chức
- Cơ cấu SX
- Chính sách vĩ mô